

Số: 29/2024/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng  
kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ BA MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số  
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số  
29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6  
năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của  
Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Xét Tờ trình số 293/TTr-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên  
tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng  
lúa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách  
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh  
tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan nhà nước, người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa.

## **Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa được phân bổ, bố trí sử dụng cho mục đích bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, hỗ trợ các địa phương sản xuất lúa, bảo vệ đất trồng lúa, tăng hiệu quả sản xuất lúa tại địa phương.

2. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa được phân bổ, hỗ trợ xác định trên diện tích đất trồng lúa theo số liệu thống kê đất đai do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định của năm liền kề trước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, riêng đối với kinh phí phân bổ năm 2025 là số liệu thống kê đất đai của các huyện, thành phố do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định năm 2023.

3. Nguồn kinh phí thu tiền bảo vệ đất trồng lúa do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa, UBND tỉnh căn cứ số thu hàng năm thực hiện phân bổ đảm bảo hiệu quả sử dụng kinh phí.

## **Điều 3. Phạm vi, định mức hỗ trợ**

1. Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa:

a) Hỗ trợ không quá 70% kinh phí thực hiện: mô hình sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện: chi hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn;

c) Hỗ trợ không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình, phương án, kế hoạch liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

2. Hỗ trợ thực hiện công tác quản lý; tăng hiệu quả sử dụng, bảo vệ đất trồng lúa; sản xuất lúa:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần;

c) Hỗ trợ 100% kinh phí sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn;

d) Hỗ trợ 100% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

## **Điều 4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ**

Nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện như sau:

1. Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh 45% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để thực hiện các nội dung sau:

a) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần;

b) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Phân bổ cho ngân sách cấp huyện 55% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để thực hiện các nội dung sau:

a) Hỗ trợ 30% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thuộc cấp huyện quản lý;

b) 25% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa để thực hiện các nội dung sau:

- Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

- Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;

- Mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ ba mươi hai thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực: HU, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lạng Sơn, Công báo tỉnh, Đài PTTH Lạng Sơn, Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HSKH.

**CHỦ TỊCH**

**Đoàn Thị Hậu**